TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 308/2017/DS – PT
Ngày: 07/12/2017
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Kim Tư

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Võ Thị Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2017 tại tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 252/2017/TLPT- DS ngày 24 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 54/2017/DS – ST ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 270 /2017/QĐPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

Bà Lê Thị N, sinh năm 1926;

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1961 (có mặt);

Ông Phạm Văn P, sinh năm 1981;

Bà Phạm Thị N1, sinh năm 1985 (có mặt);

Bà Phạm Thị H, sinh năm 1993;

Cùng địa chỉ: ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của các ông bà Lê Thị N, Phạm Văn P, Phạm Thị H là bà Phạm Thị N1 (Theo các văn bản ủy quyền ngày 06/11/2017, 15/11/2017, 20/11/2017).

- *Bị đơn:*

Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1951 (có mặt);

Ông Đặng Văn V, sinh năm 1969;

Bà Đặng Thị V1, sinh năm 1971;

Ông Đặng Văn T, sinh năm 1981;

Ông Đặng Văn T1, sinh năm 1983 (có mặt);

Ông Đặng Văn T2, sinh năm 1989;

Bà Đặng Hoài Trúc L1, sinh năm 1990;

Bà Đặng Hoài D, sinh năm 1997;

Cùng địa chỉ: ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của các ông bà Đặng Văn V, Đặng Thị V1, Đặng Văn T, Đặng Văn T2, Đặng Hoài Trúc L1, Đặng Hoài D là bà Nguyễn Thị N2.

- *Người kháng cáo:* các nguyên đơn Lê Thị N, Nguyễn Thị L, Phạm Văn P, Phạm Thị N1, Phạm Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn trình bày:

Phần đất tranh chấp có diện tích qua đo đạc thực tế là 154.4m^2 thuộc một phần thửa 149, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre do ông Đặng Văn Đ (đã chết) đại diện hộ gia đình đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần đất trên có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn T3 (bà N là vợ thứ hai của ông T3) cho bà N từ năm 1962. Khi đó trên phần đất này có một cái đìa ngang khoảng 06m, dài khoảng 06m. Việc ông T3 cho đất bà N cũng chỉ cho miệng chứ không có làm giấy tờ. Bà N đã quản lý, sử dụng phần đất trên trong đó gia đình bà N vẫn bắt cá tự nhiên phần đìa. Còn phần bờ đìa thì được sử dụng làm lối đi ra đường công cộng. Năm 1983 thì nhà nước có chủ trương đưa đất vào tập đoàn sản xuất, bà N chỉ đưa 9.000m^2 đất ruộng vào tập đoàn sản xuất, còn lại 2.000m^2 đất ruộng và bờ đìa thì không đưa vào tập đoàn. Khi tập đoàn tan rã Nhà nước đã cắt 1.057m^2 đất ruộng cấp cho gia đình bà N2. Diện tích đất còn lại thì trả cho gia đình bà N. Đến năm 2012 ông T1 bồi lắp phần đất đìa để trồng dừa và rào phần đường đi nên hai bên phát sinh tranh chấp. Gia đình nguyên đơn đã nhiều lần gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã X để khiếu nại về việc gia đình bị đơn bồi lắp đìa và rào đường đi nhưng Ủy ban nhân dân xã X chỉ mới giải quyết được việc rào đường. Do đó, sự việc tranh chấp đất kéo dài đến hôm nay.

Hiện trạng đất tranh chấp đã được bồi lấp, trên đất có 09 cây dừa đang cho trái, trong đó có 01 cây dừa được trồng năm 1990 và 08 cây dừa trồng sau này. Ngoài ra, trên đất tranh chấp trước đây có một phần nhỏ cháy nhà của gia đình bị đơn nhưng nay phần cháy nhà này đã được dỡ bỏ, nên trên đất không còn công

trình kiến trúc nào. Phía nguyên đơn đồng ý hoàn trả cho bị đơn công bồi lấp đất với khối lượng đất đã được bồi lấp là 60m^3 theo giá đã định giá. Riêng các cây dừa thì nguyên đơn không đồng ý hoàn trả giá trị.

Trước đây, nguyên đơn cho rằng diện tích đất tranh chấp nằm trong thửa 150, tờ bản đồ số 01, nhưng sau này khi xem lại bản đồ thì nguyên đơn thừa nhận diện tích đất tranh chấp nằm trong thửa 149, tờ bản đồ số 01. Do đó các nguyên đơn yêu cầu các bị đơn Nguyễn Thị N2, Đặng Văn V, Đặng Thị V1, Đặng Văn T, Đặng Văn T1, Đặng Văn T2, Đặng Hoài Trúc L1, Đặng Hoài D trả cho các nguyên đơn diện tích đất 154,m^2 (phần số 1, 2 trong họa đồ ngày 14 tháng 12 năm 2016), thuộc một phần thửa 149, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn đồng ý sử dụng họa đồ ngày 14 tháng 12 năm 2016 và kết quả định giá ngày 19 tháng 8 năm 2016 làm cơ sở giải quyết vụ án.

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án các bị đơn trình bày:

Phần đất tranh chấp có diện tích qua đo đạc thực tế là 154.4m^2 thuộc một phần thửa 149, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre do ông Đặng Văn Đ (chết năm 1998) đại diện hộ gia đình đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp vào ngày 29 tháng 8 năm 1997.

Phần đất trên có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn T3 (cha ruột bà Nguyễn Thị N2, ông T3 mất năm 2004) và trước đây trên phần đất tranh chấp có 01 cái đìa nhỏ. Khi nhà nước có chủ trương đưa đất vào tập đoàn sản xuất, ông T3 có 36 mẫu đất, toàn bộ đều đưa vào tập đoàn sản xuất. Sau khi tập đoàn tan rã năm 1990, hộ gia đình bị đơn được nhận 1.300m^2 đất định suất, nhưng khi cán bộ tập đoàn đo đạc thì chỉ có 1.057m^2. Do phần đất hộ gia đình bị đơn được cấp giáp phần đất đìa và bờ đìa của ông T3, cũng là đất gia đình nên các cán bộ tập đoàn cho gia đình bị đơn hưởng luôn phần đất đìa và bờ đìa giáp đầu ruộng. Vì vậy, khi tập đoàn đo đất cắm trụ đã cắm luôn phần đìa và bờ đìa, nên tập đoàn tính cho gia đình bị đơn 01 phần đất định suất diện tích khoảng 1.300m^2 thửa 149, tờ bản đồ số 01. Từ trước năm 2008 hộ gia đình bị đơn đã quản lý, sử dụng phần đìa và bờ đìa. Hộ gia đình bà N có sử dụng một phần đất bên phía nhà bị đơn hiện giờ để làm lối đi ra đường công cộng. Còn phần đìa và bờ đìa hiện giờ thì cây cối um tùm nên không được sử dụng làm lối đi. Đến năm 2008 ông T1 về bối lấp đất ruộng để xây cất nhà nên cũng bồi lấp luôn phần đìa và bờ đìa để sử dụng. Từ đó, gia đình bà N mới sử dụng lối đi bên phía bờ đìa cũ (là lối đi hiện nay) để đi ra đường công cộng và chưa từng có ý kiến tranh chấp với gia đình bị đơn về việc gia đình bị đơn đã bồi lấp phần đất đìa.

Hiện trên đất tranh chấp chỉ có 09 cây dừa do gia đình bị đơn trồng, một số được trồng từ năm 1990 nhưng do bão chết nên hiện nay chỉ còn 01 cây, số còn lại được trồng sau này. Riêng phần cháy nhà thì đã bị dỡ bỏ, nên trên phần đất tranh chấp không có công trình kiên cố nào.

Nay phía bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nếu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì bị đơn tự nguyện mở một lối đi có diện tích 23.5m^2 (phần số 1 trong họa đồ ngày 14 tháng 12 năm 2016) để đi ra đường công cộng và không yêu cầu nguyên đơn bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn yêu cầu nguyên đơn bồi hoàn giá trị cây cối trên đất và yêu cầu bồi hoàn giá trị công sức bồi lấp trên đất tranh chấp với khối lượng đất là 60m^3 theo giá đã được Hội đồng định giá định.

Bị đơn đồng ý sử dụng họa đồ ngày 14 tháng 12 năm 2016 và kết quả định giá ngày 19 tháng 8 năm 2016 làm cơ sở giải quyết vụ án.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đưa vụ án ra xét xử, tại bản án số 54/2017/DSST ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đã tuyên:

Căn cứ Điều 35, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, các Điều 197, 199, 221 của Bộ luật Dân sự, pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH ngày 27 tháng 02 năm 2009 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Lê Thị N, Nguyễn Thị L, Phạm Văn P, Phạm Thị N1, Phạm Thị H về việc yêu cầu các bị đơn Nguyễn Thị N2, Đặng Văn V, Đặng Thị V1, Đặng Văn T, Đặng Văn T1, Đặng Văn T2, Đặng Hoài Trúc L1, Đặng Hoài D trả cho các nguyên đơn diện tích đất 154.4m^2 (phần số 1, 2) thuộc một phần thửa 149, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre.

Ghi nhận các bị đơn Nguyễn Thị N2, Đặng Văn V, Đặng Thị V1, Đặng Văn T, Đặng Văn T1, Đặng Văn T2, Đặng Hoài Trúc L1, Đặng Hoài D tự nguyện mở một lối đi có diện tích 23.5m^2 (phần số 1 của họa đồ), thuộc một phần thửa 149, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre để làm lối đi cho nguyên đơn đi ra đường công cộng và không yêu cầu nguyên đơn bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí đo đạc định giá, án phí và quyền kháng cáo bản án của các đương sự.

Ngày 22/8/2017 bà Lê Thị N, bà Nguyễn Thị L, ông Phạm Văn P, bà Phạm Thị N1, bà Phạm Thị H có đơn kháng cáo.

Theo đơn kháng cáo các nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bà Phạm Thị N1 (bà N1 đồng thời là người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn bà Lê Thị N, ông Phạm Văn P, bà Phạm Thị H) trình bày: các nguyên đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm số 54/2017/DS- ST ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Với lý do phần đất tranh chấp trước đây là đất đìa và bờ đìa, có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn T3, ông T3 đã cho bà N phần đất này và bà N đã quản lý, sử dụng

đất xuyên suốt từ năm 1962 cho đến nay và có nộp thuế cho nhà nước. Phần đất này không có đưa vào tập đoàn sản xuất nên việc bị đơn cho rằng có đưa đất vào tập đoàn là không đúng.

Bị đơn ông Đặng Văn T1, bà Nguyễn Thị N2 (bà N2 đồng thời là người đại diện hợp pháp của các bị đơn ông Đặng Văn V, bà Đặng Thị V1, ông Đặng Văn T, ông Đặng Văn T2, bà Đặng Hoài Trúc L1, bà Đặng Hoài D) trình bày: ông bà không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Tuy nhiên, sau khi tiến hành thủ tục tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Cụ thể:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bà Phạm Thị N1 (bà N1 đồng thời là người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn bà Lê Thị N, ông Phạm Văn P, bà Phạm Thị H) yêu cầu phía bị đơn trả lại diện tích qua đo đạc thực tế là 154.4m^2 thuộc một phần thửa 149, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre và đồng ý bồi hoàn cho các bị đơn công san lấp đất là 5.400.000 đồng và giá trị của 08 cây dừa trên đất với số tiền 8.000.000 đồng. Tổng cộng nguyên đơn đồng ý hoàn trả cho bị đơn số tiền 13.400.000 đồng.

Bị đơn ông Đặng Văn T1, bà Nguyễn Thị N2 (bà N2 đồng thời là người đại diện hợp pháp của các bị đơn ông Đặng Văn V, bà Đặng Thị V1, ông Đặng Văn T, ông Đặng Văn T2, bà Đặng Hoài Trúc L1, bà Đặng Hoài D) thống nhất đồng ý giao trả cho các nguyên đơn phần đất tranh chấp có diện tích qua đo đạc thực tế là 154.4m^2 thuộc một phần thửa 149, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre. Do ông Đặng Văn Đ (chết năm 1998) đại diện hộ gia đình bị đơn đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Và yêu cầu nguyên đơn hoàn trả cho các bị đơn công san lấp đất là 5.400.000 đồng và giá trị của 08 cây dừa trên đất với số tiền 8.000.000 đồng. Tổng cộng yêu cầu được nhận số tiền 13.400.000 đồng.

Chi phí tố tụng: các nguyên đơn Lê Thị N, Nguyễn Thị L, Phạm Văn P, Phạm Thị N1, Phạm Thị H tự nguyện chịu chi phí là 3.775.200 đồng (ba triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm đồng) và đã quyết toán xong.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Các nguyên đơn Lê Thị N, Nguyễn Thị L, Phạm Văn P, Phạm Thị N1, Phạm Thị H tự nguyện chịu số tiền là 501.800 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018540 ngày 12 tháng 4 năm 2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ba Tri. Các nguyên đơn phải liên đới nộp tiếp số tiền 201.800 đồng (hai trăm lẽ một nghìn tám trăm đồng).

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu cho rằng: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 300 Bộ luật Tố tụng Dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của các ông bà Lê Thị N, Nguyễn Thị L, Phạm Văn P, Phạm Thị N1, Phạm Thị H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phần đất tranh chấp có diện tích qua đo đạc thực tế là 154.4m^2 thuộc một phần thửa 149, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre. Do ông Đặng Văn Đ (chết năm 1998) đại diện hộ gia đình bị đơn đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các bên đều thừa nhận phần đất tranh chấp có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn T3 (bà N là vợ thứ hai của ông T3, bà N2 là con ruột của ông T3).

[2] Nguyên đơn cho rằng đất tranh chấp có nguồn gốc của ông T3 cho bà N vào năm 1982. Tổng diện tích đất bà N được ông T3 cho là 11.000m^2, bao gồm 9.000m^2 đất ruộng và 2.000m^2 đất đìa, bờ đìa và vườn dừa. Khoảng năm 1983 bà N đưa 9.000m^2 đất ruộng vào tập đoàn sản xuất, còn lại đất vườn dừa, đìa và bờ đìa thì bà N vẫn quản lý, sử dụng và làm lối đi ra đường công cộng. Sau khi tập đoàn tan rã thì tập đoàn giao khoán đất lại cho gia đình bà N và cắt 1057m^2 đất của bà, nằm tiếp giáp với phần đất của bà N2, giao lại cho bà N2. Diện tích đất còn lại thì trả cho gia đình bà N. Trong quá trình quản lý, sử dụng phía gia đình bà N2, ông T1 đã lấn chiếm phần đất đang tranh chấp. Và đến năm 2012 ông T1 bồi lấp phần đất đìa để trồng dừa và rào phần đường đi nên hai bên phát sinh tranh chấp.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu phía bị đơn trả lại diện tích qua đo đạc thực tế là 154.4m^2 thuộc một phần thửa 149, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre và đồng ý bồi hoàn công san lấp đất là 5.400.000 đồng và giá trị của 08 cây dừa trên đất với số tiền 8.000.000 đồng. Tổng cộng nguyên đơn đồng ý bồi hoàn cho bị đơn số tiền 13.400.000 đồng.

[4] Các bị đơn thừa nhận nguồn gốc đất là của ông Nguyễn Văn T3, nhưng việc ông T3 cho đất bà N thì các bị đơn không biết. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, phía bị đơn cũng đồng ý giao trả cho các nguyên đơn phần đất tranh chấp có diện tích qua đo đạc thực tế là 154.4m^2 thuộc một phần thửa 149, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre. Do ông Đặng Văn Đ (chết năm 1998) đại diện hộ gia đình bị đơn đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Và yêu cầu nguyên đơn hoàn trả cho các bị đơn, theo biên bản định giá ngày 19 tháng 8 năm 2016, công san lấp đất là 5.400.000 đồng và giá trị của 09 cây dừa, giá mỗi cây là 1.000.000 đồng. Tuy nhiên hiện nay trên đất chỉ còn 08 cây. Nguyên đơn và bị đơn cũng thống nhất là sẽ bồi hoàn giá trị 08 dừa trên đất với số tiền 8.000.000 đồng. Tổng cộng các đương sự thống nhất được với nhau là nguyên đơn bồi hoàn cho bị đơn số tiền 13.400.000 đồng.

Chi phí tố tụng: các nguyên đơn Lê Thị N, Nguyễn Thị L, Phạm Văn P, Phạm Thị N1, Phạm Thị H tự nguyện chịu chi phí là 3.775.200 đồng (ba triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm đồng) và đã quyết toán xong.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Các nguyên đơn Lê Thị N, Nguyễn Thị L, Phạm Văn P, Phạm Thị N1, Phạm Thị H tự nguyện chịu số tiền là 501.800 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018540 ngày 12 tháng 4 năm 2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ba Tri. Các nguyên đơn phải liên đới nộp tiếp số tiền 201.800 đồng (hai trăm lẽ một nghìn tám trăm đồng.

[5] Từ những nhận định trên cần sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Kháng cáo của các nguyên đơn tại tòa được các đương sự thỏa thuận nên các nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, các Điều 197, 199, 221 của Bộ luật Dân sự, pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH ngày 27 tháng 02 năm 2009 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Sửa sơ thẩm số 54/2017/DS- ST ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

Bà Lê Thị N, sinh năm 1926;

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1961 (có mặt);

Ông Phạm Văn P, sinh năm 1981;

Bà Phạm Thị N1, sinh năm 1985 (có mặt);

Bà Phạm Thị H, sinh năm 1993;

Cùng địa chỉ: ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của các ông bà Lê Thị N, Phạm Văn P, Phạm Thị H là bà Phạm Thị N1 (Theo các văn bản ủy quyền ngày 06/11/2017, 15/11/2017, 20/11/2017).

- *Bị đơn:*

Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1951 (có mặt);

Ông Đặng Văn V, sinh năm 1969;

Bà Đặng Thị V1, sinh năm 1971;

Ông Đặng Văn T, sinh năm 1981;

Ông Đặng Văn T1, sinh năm 1983 (có mặt);

Ông Đặng Văn T2, sinh năm 1989;

Bà Đặng Hoài Trúc L1, sinh năm 1990;

Bà Đặng Hoài D, sinh năm 1997;

Cùng địa chỉ: ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của các ông bà Đặng Văn V, Đặng Thị V1, Đặng Văn T, Đặng Văn T2, Đặng Hoài Trúc L1, Đặng Hoài D là bà Nguyễn Thị N2 (Theo các văn bản ủy quyền ngày 13/6/2016, 19/6/2016).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bà Phạm Thị N1, bà Lê Thị N, ông Phạm Văn P, bà Phạm Thị H yêu cầu phía bị đơn trả lại diện tích qua đo đạc thực tế là 154.4m^2 thuộc một phần thửa 149, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre và đồng ý bồi hoàn cho các bị đơn công san lấp đất là 5.400.000 đồng và giá trị của 08 cây dừa trên đất với số tiền 8.000.000 đồng. Tổng cộng nguyên đơn đồng ý bồi hoàn cho bị đơn số tiền 13.400.000 đồng (mười ba triệu bốn trăm nghìn đồng).

Bị đơn ông Đặng Văn T1, bà Nguyễn Thị N2, ông Đặng Văn V, bà Đặng Thị V1, ông Đặng Văn T, ông Đặng Văn T2, bà Đặng Hoài Trúc L1, bà Đặng Hoài D thống nhất đồng ý giao trả cho các nguyên đơn phần đất tranh chấp có diện tích qua đo đạc thực tế là 154.4m^2 thuộc một phần thửa 149, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre. Do ông Đặng Văn Đ (chết năm 1998) đại diện hộ gia đình bị đơn đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Và yêu cầu nguyên đơn hoàn trả cho các bị đơn công san lấp đất là 5.400.000 đồng và giá trị của 08 cây dừa trên đất với số tiền 8.000.000 đồng. Tổng cộng yêu cầu được nhận số tiền 13.400.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong khoản tiền thì còn phải chịu lãi suất chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành xong.

Kiến nghị UBND huyện H điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất diện tích qua đo đạc thực tế là 154.4m^2 thuộc một phần thửa 149, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre do ông Đặng Văn Đ (đã chết) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang cho các nguyên đơn khi các đương sự có yêu cầu.

Chi phí tố tụng: các nguyên đơn Lê Thị N, Nguyễn Thị L, Phạm Văn P, Phạm Thị N1, Phạm Thị H tự nguyện chịu chi phí là 3.775.200 đồng (ba triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm đồng) và đã quyết toán xong.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Các nguyên đơn Lê Thị N, Nguyễn Thị L, Phạm Văn P, Phạm Thị N1, Phạm Thị H tự nguyện chịu số tiền là 501.800 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018540 ngày 12 tháng 4 năm 2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ba Tri. Các nguyên đơn phải liên đới nộp tiếp số tiền 201.800 đồng (hai trăm lẽ một nghìn tám trăm đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Lê Thị N, bà Nguyễn Thị L, ông Phạm Văn P, bà Phạm Thị N1, bà Phạm Thị H phải chịu mỗi người 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ theo các theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007464, 0007465, 0007466, 0007467, 0007468 cùng ngày 22 tháng 8 năm 2017.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre(1b);
- TAND huyện Ba Tri (1b);
- Chi cục THADS huyện Ba Tri (1b);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp (3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Hương